

Số: 273 /QĐ-SKHCN

Gia Lai, ngày 25 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng**  
**Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai”**

**GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 và Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2010;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi bởi Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30 tháng 7 năm 2010; Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22 tháng 7 năm 2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20 tháng 02 năm 2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh Gia Lai Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai;*

*Trên cơ sở Công văn số 2467/UBND-KGVX ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc cho phép sử dụng địa danh “Gia Lai” làm thủ tục đăng ký Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai”;*

*Xét đề nghị của của Trưởng phòng Quản lý Chuyên ngành về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai”.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai” dùng cho sản phẩm phở khô và dịch

vụ liên quan đến sản phẩm phở khô có nguồn gốc từ tỉnh Gia Lai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Sở, Trưởng các phòng: Quản lý Chuyên ngành, Kế hoạch và Tài chính, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- Cục Sở hữu trí tuệ;
- UBND Tp.Pleiku;
- Lưu: VT, QLChN.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Nam Hải**

## QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai”**  
(Ban hành theo Quyết định số: 273 /QĐ-SKHCN ngày 25 / 12 /2020 của Sở  
Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai)

### CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Mục đích

Quy chế này quy định về việc quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai” trong hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đảm bảo chất lượng, duy trì danh tiếng, nâng cao giá trị, hiệu quả kinh tế trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm phở khô và dịch vụ liên quan đến sản phẩm phở khô có nguồn gốc từ tỉnh Gia Lai.

#### Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này được áp dụng cho việc quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai”.

2. Quy chế này áp dụng đối với chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai”, các tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai” dùng cho sản phẩm phở khô và dịch vụ liên quan đến sản phẩm phở khô có nguồn gốc từ tỉnh Gia Lai.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ sử dụng được hiểu như sau:

1. *Chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận* là Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai.

2. *Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận* là văn bản do Chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai” cấp cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm phở khô và dịch vụ liên quan đến sản phẩm phở khô đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Quy chế này.

3. *Nhãn hiệu chứng nhận* là Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai” bao gồm phần chữ và phần hình được quy định tại Điều 4 Quy chế này.

4. *Quy chế* là Quy chế Quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai” dùng cho sản phẩm phở khô và dịch vụ liên quan đến sản phẩm phở khô có nguồn gốc từ tỉnh Gia Lai.

5. *Phở khô Gia Lai* theo Quy chế này được hiểu là sản phẩm phở khô, hay còn gọi là phở 2 tô có nguồn gốc từ tỉnh Gia Lai, được phục vụ với hai tô, một tô bánh phở và một tô nước lèo; thường chế biến cùng với thịt gà, thịt bò và thịt heo xay; khi dùng thường ăn kèm với các loại rau sống và gia vị, đặc biệt là tương đen.

6. *Quyền sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận* là quyền của Chủ sở hữu Nhãn

hiệu chứng nhận đối với Nhãn hiệu chứng nhận bao gồm quyền cho phép sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận, quyền ngăn cấm chủ thể khác sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận, quyền đình đoạt đối với Nhãn hiệu chứng nhận và các quyền khác của Chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ và các văn bản pháp luật khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

6. *Quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận* là quyền:

a) Gắn (in, dán, đính, đục, dập khuôn hoặc bằng các hình thức khác) Nhãn hiệu chứng nhận lên biển hiệu, phương tiện kinh doanh, giấy tờ giao dịch, phương tiện quảng cáo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu chứng nhận;

b) Lưu thông, chào bán, quảng cáo để bán sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận.

7. *Nhãn hàng hóa* là bản viết, bản in, bản vẽ, bản chụp của chữ, hình vẽ, hình ảnh được dán, in, đính, đục, chạm, khắc trực tiếp trên biển hiệu, phương tiện kinh doanh, giấy tờ giao dịch, phương tiện quảng cáo sản phẩm, dịch vụ mang Nhãn hiệu chứng nhận.

8. *Mẫu nhãn hiệu chứng nhận* gồm dấu hiệu chữ “Phở khô Gia Lai” và logo như được thể hiện tại Phụ lục 01 của Quy chế này, được gắn trên biển hiệu, phương tiện kinh doanh, giấy tờ giao dịch, phương tiện quảng cáo sản phẩm, dịch vụ mang Nhãn hiệu chứng nhận.

9. *Sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu chứng nhận* theo Quy chế này được hiểu là các sản phẩm, dịch vụ như được liệt kê tại Điều 6 Quy chế này.

10. *Sản xuất, kinh doanh* theo Quy chế này được hiểu là tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động thương mại khác.

#### **Điều 4. Mẫu Nhãn hiệu chứng nhận**

Mẫu Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai” gồm dấu hiệu chữ “Phở khô Gia Lai” và dấu hiệu hình (logo) như được thể hiện tại Phụ lục 01 Quy chế này, áp dụng cho sản phẩm phở khô và dịch vụ liên quan đến sản phẩm phở khô có nguồn gốc từ tỉnh Gia Lai.

#### **Điều 5. Khu vực địa lý mang Nhãn hiệu chứng nhận**

Khu vực địa lý mang Nhãn hiệu chứng nhận là vùng sản xuất, kinh doanh sản phẩm phở khô và dịch vụ liên quan đến sản phẩm phở khô có nguồn gốc từ tỉnh Gia Lai, được thể hiện trong bản đồ khu vực địa lý tại Phụ lục 02 Quy chế này.

#### **Điều 6. Sản phẩm, dịch vụ mang Nhãn hiệu chứng nhận**

1. Sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận là: Phở khô được phục vụ với hai

tô, một tô bánh phở và một tô nước lèo; thường chế biến cùng với thịt gà, thịt bò và thịt heo xay; khi dùng thường ăn kèm với các loại rau sống và gia vị, đặc biệt là tương đen.

2. Dịch vụ mang Nhãn hiệu chứng nhận là:
  - a) Dịch vụ mua bán phở khô;
  - b) Dịch vụ quảng cáo, quảng bá phở khô;
  - c) Dịch vụ nhà hàng ăn uống, dịch vụ cung cấp thức ăn.

## **CHƯƠNG II**

### **ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC CẤP QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN**

#### **Điều 7. Điều kiện được cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm phở khô và dịch vụ liên quan đến sản phẩm phở khô được cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có Đơn đề nghị cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;
2. Có hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm phở khô và dịch vụ liên quan đến sản phẩm phở khô có nguồn gốc từ tỉnh Gia Lai và nằm trong phạm vi vùng chứng nhận theo Bản đồ tại Phụ lục 02 Quy chế này;
3. Sản phẩm, dịch vụ yêu cầu cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận nằm trong danh mục các sản phẩm, dịch vụ như được liệt kê tại Điều 6 Quy chế này;
4. Sản phẩm, dịch vụ yêu cầu cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận phải đáp ứng tiêu chí chứng nhận được quy định tại Điều 8 Quy chế này;
5. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.
6. Có Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hoặc Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ về mặt hình thức.
7. Cam kết thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nội dung trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận theo mẫu được quy định tại Phụ lục 06 Quy chế này.

#### **Điều 8. Tiêu chí chứng nhận và phương pháp đánh giá**

1. Tiêu chí chứng nhận
  - a) Sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận phải đáp ứng tiêu chí chứng nhận về nguồn gốc địa lý và chỉ tiêu chất lượng, cụ thể: Sản phẩm phở khô chỉ được mang Nhãn hiệu chứng nhận khi được sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Gia Lai và được công bố tiêu chuẩn cơ sở phù hợp với tiêu chuẩn cơ sở khung của sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai” theo quy định tại Phụ lục 03

Quy chế này.

b) Dịch vụ mang Nhãn hiệu chứng nhận phải đáp ứng tiêu chí chứng nhận về nguồn gốc địa lý và các điều kiện được quy định tại Phụ lục 04 Quy chế này, cụ thể:

- Các dịch vụ được liệt kê tại điểm a, b khoản 2 Điều 6 Quy chế này chỉ được mang Nhãn hiệu chứng nhận khi là những dịch vụ liên quan đến sản phẩm phở khô đã được cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

- Dịch vụ được liệt kê tại điểm c khoản 2 Điều 6 Quy chế này chỉ được mang Nhãn hiệu chứng nhận khi là dịch vụ liên quan đến sản phẩm phở khô đã được cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận và đáp ứng các điều kiện được quy định tại Phụ lục 04 Quy chế này.

## 2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá cảm quan và phương pháp đánh giá thông qua thẩm định hồ sơ, thẩm định trực tiếp tại cơ sở sản xuất, kinh doanh yêu cầu cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.

Việc đánh giá được thực hiện bởi chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận.

## CHƯƠNG III

### QUẢN LÝ NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN

#### Điều 9. Chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận

1. Chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận là Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai. Chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai thống nhất quản lý việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai có thể giao lại cho một đơn vị trực thuộc quản lý việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.

#### Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận

1. Chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận có các quyền sau:

a) Đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với Nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm phở khô và dịch vụ liên quan đến sản phẩm phở khô có nguồn gốc từ tỉnh Gia Lai tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam và tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài;

b) Sửa đổi, bổ sung văn bằng bảo hộ Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai” do Cục Sở hữu trí tuệ cấp;

c) Cấp, thu hồi quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận theo các quy định tại Quy chế này và các văn bản khác do chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận ban hành;

d) Quản lý, kiểm soát việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận theo các quy định nêu tại Quy chế này và các văn bản khác do chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận ban hành;

e) Ban hành các văn bản nhằm quản lý và khai thác hiệu quả Nhãn hiệu chứng nhận;

f) Thu, chi các khoản phí sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận theo quy định (nếu có);

g) Xử lý các hành vi vi phạm việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận được quy định tại Quy chế này và các văn bản khác do chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận ban hành;

h) Yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ khi phát hiện hành vi xâm phạm quyền đối với Nhãn hiệu chứng nhận để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

i) Các quyền khác của chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận có các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Quy chế này và các văn bản có liên quan;

b) Duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai” sau khi được Cục Sở hữu trí tuệ cấp;

c) Chi đúng, chi đủ các khoản phí sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận thu được theo quy định (nếu có);

d) Thông báo công khai, minh bạch tất cả các văn bản quản lý và các thông tin liên quan đến Nhãn hiệu chứng nhận;

e) Quản lý, kiểm soát việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận theo đúng quy định của Quy chế này, các văn bản khác do chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận ban hành và quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ;

f) Xử lý các hành vi vi phạm việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận được quy định tại Quy chế này và các văn bản khác do chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận ban hành;

g) Đề xuất, kiến nghị, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm quy định về sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

h) Các nghĩa vụ khác của chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ.

## **Điều 11. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận**

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận gửi 02 (hai)

bộ hồ sơ đăng ký theo quy định cho chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.

2. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận theo Mẫu 01-ĐĐN tại Phụ lục 05 Quy chế này;

b) Bản cam kết sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận theo Mẫu 02-BCK tại Phụ lục 06 Quy chế này;

c) Bản sao hoặc bản photocopy Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có);

d) Bản sao hoặc bản photocopy Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận sẽ tuân theo Quy chế Cấp và thu hồi quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận do chủ sở hữu ban hành.

### **Điều 12. Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận**

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận được cấp theo mẫu quy định, gồm các nội dung sau:

a) Tên, địa chỉ của tổ chức hoặc cá nhân được cấp quyền sử dụng, điện thoại, email (nếu có);

b) Danh mục sản phẩm, dịch vụ đề nghị được cấp quyền sử dụng;

c) Mẫu Nhãn hiệu chứng nhận;

d) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

e) Thời hạn có hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận phải được ký tên và đóng dấu bởi chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận.

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận được làm thành 02 (hai) bản chính: 01 (một) bản trao cho tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị, 01 (một) bản do chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận lưu giữ. Mỗi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận được ghi theo số thứ tự liên tục vào Sổ quản lý Giấy chứng nhận của chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận.

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận có thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày cấp.

### **Điều 13. Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận**

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức, cá nhân không còn đáp ứng điều kiện để được cấp quyền sử



dụng Nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Điều 7 Quy chế này;

b) Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận có các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 18 Quy chế này bị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận theo khoản 1 Điều 19 Quy chế này;

c) Tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận không còn có nhu cầu tiếp tục sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận và có văn bản thông báo cho chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận.

2. Tổ chức, cá nhân bị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận sẽ bị xoá tên trong danh sách tổ chức, cá nhân được quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về lý do bị thu hồi.

#### **Điều 14. Kiểm soát việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận**

1. Chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận để duy trì và đảm bảo chất lượng, danh tiếng của sản phẩm, dịch vụ mang Nhãn hiệu chứng nhận.

2. Nội dung kiểm soát bao gồm:

a) Kiểm soát về chủ thể;

b) Kiểm soát về nguồn gốc sản phẩm, dịch vụ;

c) Kiểm soát về chất lượng sản phẩm;

d) Kiểm soát về điều kiện đối với dịch vụ;

đ) Kiểm soát việc sử dụng mẫu Nhãn hiệu chứng nhận.

3. Việc kiểm tra định kỳ không được vượt quá 01 (một) lần trong năm.

4. Trường hợp nghi ngờ có dấu hiệu vi phạm việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận, chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận có quyền tổ chức kiểm tra đột xuất.

5. Chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận ban hành văn bản quy định chi tiết về nội dung và phương thức kiểm soát việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.

#### **Điều 15. Phí sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận**

1. Phí sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận gồm: Phí cấp, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận; phí kiểm tra đánh giá nhằm xác định điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận; phí duy trì hiệu lực Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận; phí kiểm tra định kỳ việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận và các khoản phí khác do chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận quy định.

2. Mức phí cụ thể sẽ do chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận thỏa thuận với các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận phù hợp với quy định của pháp luật và được công bố công khai.

3. Kinh phí thu được theo các khoản phí nêu tại khoản 1 Điều này sẽ được sử dụng cho các hoạt động quản lý, sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận và phục vụ cho công tác tuyên truyền, quảng bá Nhãn hiệu chứng nhận. Mọi chế độ thu chi được quyết toán theo quy định pháp luật và được công bố công khai.

## **CHƯƠNG IV**

### **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN**

#### **Điều 16. Quyền của tổ chức, cá nhân sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận**

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận bình đẳng về quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận có quyền:

a) Gắn Nhãn hiệu chứng nhận lên biển hiệu kinh doanh, phương tiện kinh doanh, thư từ giao dịch, phương tiện quảng cáo cho các sản phẩm, dịch vụ được liệt kê trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận do mình sản xuất, kinh doanh;

b) Khai thác và thụ hưởng các lợi ích phát sinh từ việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

c) Sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận kèm với nhãn hiệu riêng của mình cho các sản phẩm, dịch vụ được liệt kê trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

d) Được tham gia các chương trình quảng bá, phát triển Nhãn hiệu chứng nhận do chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận tổ chức hoặc phối hợp với các đơn vị khác tổ chức.

#### **Điều 17. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận**

1. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận có nghĩa vụ:

a) Sử dụng đúng và chính xác Nhãn hiệu chứng nhận gồm cả phần chữ và phần hình theo mẫu đã được cấp;

b) Chỉ sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận cho các loại sản phẩm, dịch vụ được liệt kê trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

c) Giữ gìn danh tiếng cho các sản phẩm, dịch vụ mang Nhãn hiệu chứng nhận;

d) Nộp các khoản phí sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận theo quy định của chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận (nếu có).

2. Nghiêm cấm mọi hành vi sử dụng, hình thức sử dụng có hoặc không có Nhãn hiệu chứng nhận làm sai lệch nhận thức hoặc gây ảnh hưởng đến uy tín và

hình ảnh của Nhãn hiệu chứng nhận.

3. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận không còn nhu cầu sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận có trách nhiệm thông báo đến chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận để làm các thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.

4. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ được quy định tại Quy chế này và các quy định khác có liên quan nhằm duy trì, bảo vệ, nâng cao uy tín của Nhãn hiệu chứng nhận.

## CHƯƠNG V

### XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

#### **Điều 18. Hành vi vi phạm Quy chế Quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận**

Các hành vi sau đây được xác định là hành vi vi phạm Quy chế Quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận:

1. Sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận khi chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

2. Sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm phở khô và dịch vụ liên quan đến sản phẩm phở khô không có nguồn gốc từ tỉnh Gia Lai;

3. Sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm, dịch vụ không được liệt kê trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

4. Sản phẩm, dịch vụ không đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này;

5. Sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận làm nhãn hiệu chính cho các sản phẩm, dịch vụ do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh;

6. Thực hiện các hành vi gây ảnh hưởng xấu làm tổn hại đến uy tín, danh tiếng của sản phẩm và dịch vụ mang Nhãn hiệu chứng nhận;

7. Chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.

#### **Điều 19. Hình thức xử lý vi phạm**

1. Tùy theo mức độ, các hành vi vi phạm được quy định tại Điều 18 Quy chế này có thể bị xử lý như sau: Nhắc nhở, tạm đình chỉ hoặc thu hồi quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận đối với tổ chức, cá nhân.

Chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận ban hành văn bản quy định chi tiết về hình thức xử lý đối với các hành vi vi phạm Quy chế.

2. Bất kỳ tổ chức, cá nhân nào phát hiện hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với Nhãn hiệu chứng nhận đều có quyền yêu cầu chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận xử lý vi phạm theo quy định tại Quy chế này và các quy định có liên quan.

3. Chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận có trách nhiệm xử lý hoặc kiến nghị các

cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

### **Điều 20. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại**

1. Tổ chức, cá nhân có quyền đề nghị chủ sở hữu Nhân hiệu chứng nhận giải quyết các khiếu nại liên quan đến việc quản lý và sử dụng Nhân hiệu chứng nhận.

2. Các khiếu nại liên quan đến việc sử dụng Nhân hiệu chứng nhận phải được xem xét, giải quyết trên cơ sở các quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp vụ việc phức tạp, nội dung vượt quá thẩm quyền giải quyết, chủ sở hữu Nhân hiệu chứng nhận có trách nhiệm đề nghị hoặc có văn bản chuyển vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Quy chế**

1. Trong quá trình thực hiện Quy chế, Chủ sở hữu Nhân hiệu chứng nhận chủ động hoặc theo đề xuất của tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng Nhân hiệu chứng nhận hoặc các tổ chức có liên quan sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Chủ sở hữu Nhân hiệu chứng nhận lập thành văn bản.

#### **Điều 22. Tổ chức thực hiện**

Chủ sở hữu Nhân hiệu chứng nhận, các tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng Nhân hiệu chứng nhận có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

#### **Điều 23. Hiệu lực**

Quy chế này có hiệu lực thi hành theo Quyết định ban hành. Các phòng, đơn vị thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Nam Hải**

**PHỤ LỤC 01**

**BIỂU TRƯNG (LOGO) NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN  
“PHỞ KHÔ GIA LAI”**



Nhóm 30: Phở khô. (01 sản phẩm)

Nhóm 35: Dịch vụ mua bán phở khô; Dịch vụ quảng cáo, quảng bá phở khô. (02 dịch vụ)

Nhóm 43: Dịch vụ nhà hàng ăn uống; Dịch vụ cung cấp thức ăn. (01 dịch vụ)

**PHỤ LỤC 02**

**BẢN ĐỒ VÙNG ĐỊA LÝ SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN  
“PHỞ KHÔ GIA LAI”**

**PHỤ LỤC 03****TIÊU CHUẨN CƠ SỞ KHUNG CỦA SẢN PHẨM MANG NHÃN HIỆU  
CHỨNG NHẬN “PHỞ KHÔ GIA LAI”****1. Phạm vi áp dụng**

Tiêu chuẩn cơ sở này quy định các yêu cầu về chỉ tiêu cảm quan và đảm bảo an toàn thực phẩm đối với sản phẩm phở khô Gia Lai.

**2. Các yêu cầu****2.1 Chỉ tiêu cảm quan đối với sản phẩm phở khô Gia Lai**

<b>STT</b>	<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Yêu cầu</b>
1	Trạng thái	Nước dùng trong, không đục, không còn bọt, nóng, thơm, nổi nhiều váng mỡ trên mặt.
2	Màu sắc	<p><b>PHỞ KHÔ BÒ</b></p> <p>Sản phẩm hội đủ các màu tươi thắm tạo sự bắt mắt, ngon miệng:</p> <p>Trên bề mặt của bát đựng phở khô có màu nâu vàng của hành phi dầu (hoặc mỡ); màu vàng hơi nâu của tóp mỡ và thịt lợn xay xào chín; màu trắng đục của sợi phở và giá đỗ; màu xanh của hành, ngò; màu đỏ của ớt xắt lát.</p> <p>Trên bề mặt của bát đựng nước dùng có màu nâu đỏ của thịt bò; màu vàng nhạt của váng mỡ trên mặt và màu xanh của hành, ngò.</p>
		<p><b>PHỞ KHÔ GÀ</b></p> <p>Sản phẩm hội đủ các màu tươi thắm tạo sự bắt mắt, ngon miệng:</p> <p>Trên bề mặt của bát đựng phở khô có màu nâu vàng của hành phi dầu (hoặc mỡ); màu vàng hơi nâu của tóp mỡ và thịt lợn xay xào chín; màu trắng đục của sợi phở và giá đỗ; màu trắng phau của thịt gà miếng xé hoặc màu nâu đỏ của thịt gà đùi xé; màu xanh của hành, ngò; màu đỏ của ớt xắt lát.</p> <p>Trên bề mặt của bát đựng nước dùng có màu vàng nhạt của váng mỡ trên mặt và màu xanh của hành, ngò.</p>
3	Mùi	<p><b>PHỞ KHÔ BÒ</b></p> <p>Sản phẩm phải dậy mùi thơm của nước phở, bao gồm mùi của thịt bò, thịt lợn xay, hành phi, ngò quyện vào nhau trong đó mùi nước dùng của xương lợn, xương bò thơm dịu, mùi thơm</p>

		nhẹ của các loại rau gia vị và không có mùi lạ khác. <b>PHỞ KHÔ GÀ</b> Sản phẩm phải dậy mùi thơm của nước phở, bao gồm mùi của thịt gà, thịt lợn xay, hành phi, ngò quyện vào nhau trong đó mùi nước dùng của xương gà, xương lợn thơm dịu, mùi thơm nhẹ của các loại rau gia vị và không có mùi lạ khác.
4	Vị	Ngon, ngọt đậm đà của các loại thịt và xương hầm, nồng vị hành phi, vị hăng dịu của tiêu, không có vị lạ khác. Ăn xong vẫn còn vị của phở khô Gia Lai không lẫn với vị của thực phẩm khác.
5	Các loại rau và gia vị ăn kèm	- Rau sống: xà lách, mùi tàu, rau mùi, húng quế, giá đỗ, hành tươi. Các loại rau sống được thu mua từ các nhà cung cấp uy tín và chất lượng (có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng). Các loại rau có trạng thái tươi tự nhiên. - Các loại gia vị như: hành khô, bột ngọt, hạt tiêu, ớt tươi, tương ớt, tương đen, xì dầu, chanh, hành xắt lát ngâm chua.

Các chỉ tiêu cảm quan được đánh giá bằng cách quan sát thực tế sản phẩm (phở khô hoàn thiện) dưới ánh sáng tự nhiên và thử sản phẩm.

## 2.2. Các yêu cầu của nguyên vật liệu chính

- Bánh phở khô: Là loại thực phẩm dạng sợi mảnh, đẹp, màu trắng đục, được làm hoàn toàn từ bột gạo và không dùng phụ gia, bánh phở được tráng thành tấm, phơi (sấy) khô và tạo sợi qua máy cắt, bánh phở khô hơi cứng, không đứt gãy, không có mùi chua, mùi lạ, có hương thơm thoang thoảng của gạo.

- Thịt gà, bò, lợn: Thịt gà được làm sạch, luộc chín, sau đó rửa sơ với nước lạnh, đảo gà với hành tỏi cho gà săn lại và ninh trong nồi nước từ 60-90 phút. Thịt bò được rửa qua nước muối pha loãng (nồng độ 2%). Thịt bò thăn được thái lát mỏng, để nơi khô thoáng. Thịt gà nguyên con rửa sạch với muối pha loãng (nồng độ 2%), luộc chín tới, để nguội và ráo nước, xé sợi nhỏ. Thịt lợn được rửa sạch với muối pha loãng (nồng độ 2%), được xay nhuyễn và đảo đều với hành phi, thêm gia vị như nước mắm ngon, muối, bột ngọt vào đảo đều vừa miệng, đến khi thịt chín thì tắt bếp, bỏ ra bát.

- Nước dùng: Nước dùng được hầm từ xương bò, xương lợn, xương gà, thịt gà, các nguyên liệu xương trên được tách ra từ các nguyên liệu thịt (trừ xương gà). Xương bò được rửa sạch rồi chần qua nước sôi trong 1-2 phút để khử bớt mùi hôi với bọt bẩn trong xương, chần xong để nguội bớt rồi rửa lại lần nữa với nước sạch. Xương gà được chặt thành từng khúc, luộc qua, rửa với nước lạnh rồi cho vào nồi nước dùng. Nước dùng được ninh bởi lửa nhỏ với nồi nấu có miệng vung để xương và thịt tiết ngọt từ từ



(chú ý không đậy nắp khi nước sôi và vớt bọt trong khi hầm). Nước dùng phải được chế biến và sử dụng trong ngày.

- Rau sống: Các loại rau sống ăn kèm như xà lách, rau mùi, mùi tàu, húng quế, giá đỗ, hành tươi... (trong đó rau húng quế, mùi tàu và xà lách là các loại rau ăn kèm mang đặc trưng của phở khô Gia Lai). Các loại rau phải có trạng thái tươi tự nhiên, không dập, héo.

Ngoài ra, các cơ sở chế biến phở khô Gia Lai có thể cho thêm một số nguyên liệu khác vào tô phở như tóp mỡ, chiên vừa phải không quá cháy, bò viên đã được luộc chín nhưng phải đảm bảo an toàn thực phẩm theo đúng các quy định hiện hành.

Cơ sở chế biến phở khô Gia Lai cam kết chỉ sử dụng các phụ gia thực phẩm nằm trong danh mục được các cơ quan quản lý nhà nước cho phép, sử dụng đúng đối tượng và đúng liều lượng theo quy định hiện hành trong quá trình chế biến phở khô Gia Lai.

Quá trình chế biến phở khô Gia Lai phải phù hợp với các quy định hiện hành có liên quan.

### **2.3. Các yêu cầu để đảm bảo an toàn thực phẩm**

- Bánh phở khô: Bánh phở khô được mua từ các cơ sở chế biến có đủ hồ sơ pháp lý về an toàn thực phẩm. Không chứa các chất cấm sử dụng trong chế biến thực phẩm.

- Thịt gà, bò, lợn xay: Thịt lợn xay, thịt bò, thịt gà sử dụng trong chế biến phở khô là các nguyên liệu thịt đã được qua kiểm dịch của cơ quan Thú y (đóng dấu kiểm dịch trên sản phẩm) sau khi giết mổ.

- Các loại tóp mỡ, bò viên: nguyên liệu tươi, không nhiễm bẩn hoặc hóa chất độc hại.

- Rau sống: Các loại rau sống ăn kèm như: rau mùi, húng quế, xà lách, giá đỗ, hành tươi... được thu mua từ các nhà cung cấp uy tín và chất lượng (có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng). Tất cả các loại rau sống phải được rửa sạch.

- Các phụ gia sử dụng trong quá trình chế biến phải còn hạn sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Phụ gia sử dụng có trong danh mục chất phụ gia thực phẩm được phép sử dụng quy định tại Phụ lục 1 được ban hành theo Thông tư số Thông tư 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm. Ngoài ra, các cơ sở chế biến có thể sử dụng thêm 1 số phụ gia có nguồn gốc tự nhiên như hành khô.

### **3. Phương pháp thử:**

3.1 Xác định các chỉ tiêu cảm quan của thịt tươi theo TCVN 7046:2002.

3.2 Xác định các chỉ tiêu cảm quan của bánh phở khô theo phương pháp chuyên gia.

3.3 Xác định các chỉ tiêu cảm quan của nôi nước dùng theo phương pháp chuyên gia.

3.4 Xác định các chỉ tiêu cảm quan của tô phở khô hoàn thiện theo phương pháp chuyên gia./.

**PHỤ LỤC 04****ĐIỀU KIỆN ĐỂ DỊCH VỤ MANG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN  
“PHỞ KHÔ GIA LAI”**

<b>STT</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Yêu cầu</b>	<b>Căn cứ</b>
<b>1</b>	<b>Vị trí</b>	- Cố định. - Không vi phạm các quy định về trật tự đô thị.	Theo quy định của pháp luật
<b>2</b>	<b>Không gian</b>	- Không gian thoáng mát; khu vực chế biến, chỗ ngồi của khách, nhà vệ sinh phải được bố trí hợp lý, thuận tiện khi sử dụng.	Cảm quan
<b>3</b>	<b>Dụng cụ phục vụ</b>	- Sạch sẽ. - Sử dụng thìa (muỗng) không rãnh. - Sử dụng đũa làm bằng tre, gỗ hoặc inox. - Không sử dụng bát (tô), chén, đĩa bằng nhựa.	Cảm quan
<b>4</b>	<b>Chỉ dẫn thương mại</b>	Biển hiệu sử dụng theo đúng mẫu quy định.	Cảm quan
<b>5</b>	<b>Thái độ phục vụ</b>	Nhân viên phục vụ niềm nở, lịch sự, thân thiện, có kiến thức cơ bản về phở khô Gia Lai.	Cảm quan
<b>6</b>	<b>An toàn thực phẩm</b>	Được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.	Theo quy định của pháp luật

**PHỤ LỤC 05****MẪU 01-ĐĐN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng  
Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai”**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị: .....

Người đại diện (đối với tổ chức): .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:.....

Email: .....

Quyết định thành lập hoặc giấy phép kinh doanh (nếu có): .....

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-SHTT ngày ... tháng ... năm ... của Cục Sở hữu trí tuệ về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số ..... cho Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai”;

Căn cứ Quy chế Quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai” ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SKHHCN ngày ... tháng ... năm ... của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai;

Đối chiếu với điều kiện cụ thể của đơn vị, tôi/chúng tôi đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai”,

Loại sản phẩm, dịch vụ mang Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai” đề nghị:

Sản phẩm đề nghị:.....

Dịch vụ đề nghị:.....

Quy mô sản xuất, kinh doanh: .....

Địa điểm sản xuất, kinh doanh: .....

Tôi/ Chúng tôi cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật; đồng thời cam kết thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các yêu cầu của chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận quy định về quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai”.

..., ngày... tháng... năm....

**Tổ chức, cá nhân đề nghị**

(ký tên, đóng dấu)

**PHỤ LỤC 06****MẪU 02-BCK****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN CAM KẾT****Về việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai”**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai

Tên (tổ chức, cá nhân): .....

Người đại diện (đối với tổ chức): .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Email: .....

Quyết định thành lập hoặc giấy phép kinh doanh (nếu có): .....

Sau khi được cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai”, tôi/ chúng tôi xin cam kết thực hiện các nội dung như sau:

1. Sử dụng đúng và chính xác Nhãn hiệu chứng nhận gồm cả tên nhãn hiệu và hình ảnh logo;

2. Chỉ sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm và dịch vụ đã được chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận;

3. Nhãn hiệu chứng nhận được sử dụng kèm với nhãn hiệu chính thức của đơn vị, nhưng không sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận làm nhãn hiệu chính cho sản phẩm, dịch vụ của mình;

4. Không chuyển nhượng hay chuyển giao quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận dưới bất kỳ hình thức nào;

5. Chấp hành chế độ kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất của chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận về việc sử dụng nhãn hiệu của đơn vị;

6. Nộp đầy đủ các khoản phí theo quy định;

7. Thực hiện đầy đủ các nội dung của Bản cam kết này và các quy định tại Quy chế Quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai”;

8. Tuân thủ nghiêm ngặt và đầy đủ các quy định liên quan đến việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận nhằm duy trì, bảo vệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ phát triển giá trị tài sản trí tuệ đối với Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai”;

9. Duy trì và bảo đảm chất lượng sản phẩm, dịch vụ mang Nhãn hiệu chứng nhận “Phở khô Gia Lai”.

Nếu vi phạm những điều đã cam kết trên, tôi/ chúng tôi xin chịu mọi hình thức xử lý theo quy định của pháp luật./

..., ngày... tháng... năm....

**Tổ chức, cá nhân cam kết**

(ký tên, đóng dấu)